

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08-8-2019

*V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chín Hiệp và bà Phạm Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 08 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 và quyết hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự::

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T (xóm T1 cũ) xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn X, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 6, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Đỗ Thị T (tên gọi khác Đỗ Thị T1), sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn T (xóm T1 cũ) xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 6, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, lời khai và lời trình bày của chị Nguyễn Thị P tại phiên tòa; bản khai, lời khai của anh Trần Văn X và các tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn X lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/12/2013 tại UBND xã N, huyện

L, tỉnh Hà Nam. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, có con chung, tài sản chung nhưng sau đó anh chị phát sinh mâu thuẫn.

Chị Nguyễn Thị P cho rằng: Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến tháng 6/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Trần Văn X nghi ngờ đứa con trong bụng chị không phải con anh X. Khi chị sinh cháu Trần Gia B vào ngày 24/7/2014 tại bệnh viện sản Trung Ương thì anh X không quan tâm đến mẹ con chị; sau đó vợ chồng chị liên tục cãi nhau. Đến tháng 5/2018 thì chị và cháu Trần Gia B về nhà mẹ đẻ ở thôn T (xóm T1 cũ) xã C, huyện L sinh sống và bán thuốc đến nay. Quá trình về nhà mẹ đẻ chị có đi chơi với bạn thì bị anh X lấy đá đập vào đầu làm chị phải đi cấp cứu. Chị Nguyễn Thị P xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn với anh Trần Văn X.

Ý kiến của anh Trần Văn X lưu tại hồ sơ như sau: Khoảng tháng 7/2014, sau khi vợ chồng anh chị sinh cháu Trần Gia B vào ngày 24/7/2014 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do làm ăn kinh tế khó khăn. Sau đó vợ chồng anh chị tiếp tục mâu thuẫn kéo dài, đến đầu năm 2017 anh đã làm đơn xin ly hôn với chị P nhưng sau đó lại xé đi. Đến tháng 5/2018 thì chị P và cháu Trần Gia B về nhà mẹ đẻ ở thôn T (xóm T1 cũ) xã C, huyện L sinh sống và bán thuốc đến nay. Anh nghi ngờ chị P ngoại tình nhưng không có bằng chứng nên đến cuối năm 2018 anh tiếp tục viết đơn xin ly hôn với chị P nhưng không nộp đến chính quyền địa phương. Ngày 01/3/2019 anh phát hiện chị P ngồi sau xe máy của một người đàn ông lạ mặt nên anh đã lấy đá ở ven đường đánh chị P. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì Trần Gia B nên anh không đồng ý ly hôn với chị P.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn X đều xác định vợ chồng có 01 con chung là: Cháu Trần Gia B, sinh ngày 24/7/2014 hiện cháu Trần Gia B đang ở với chị P.

Trường hợp ly hôn chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn X đều có nguyện vọng nuôi cháu Trần Gia B; đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- *Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác*: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn X đều không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Trần Văn X vắng mặt.

Tại phiên toà:

- Chị Nguyễn Thị P khai: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống được với nhau nên đề nghị được ly hôn với anh X. Về con chung: Chị P có nguyện vọng nuôi cháu Trần Gia B, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác chị không yêu cầu giải quyết.

- Bà Đỗ Thị T (tên gọi khác Đỗ Thị T1) khai: Bà nghe chị P kể về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị P - anh X chứ bà không chứng kiến trực tiếp; tháng 5/2018 thì chị P và cháu Trần Gia B về nhà bà sinh sống từ đó đến nay. Việc ly hôn giữa chị P - anh X, bà đề nghị giải quyết theo pháp luật.

+ Bà Nguyễn Thị L khai: Sau ngày cưới bà cho chị P - anh X ăn ở riêng nên bà không chứng kiến trực tiếp việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị P - anh X; bà có nghe anh X kể là khi mâu thuẫn anh X có đánh chị P; bà rất mong muốn anh X chị P đoàn tụ.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn X; Về con chung: giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 24/7/2014 cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P. Tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Văn X vắng mặt lần thứ hai không có lý do; căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh X theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn X là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do anh X nghi ngờ chị P ngoại tình, cháu Trần Gia B không phải là con anh. Do nghi ngờ chị P ngoại tình nên có lần anh X đã lấy đá ở ven đường đánh chị P phải đi cấp cứu. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Điều đó chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó giải quyết ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn X là phù hợp với Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn X đều xác định vợ chồng có 01 con chung là: Cháu Trần Gia B, sinh ngày 24/7/2014 hiện cháu Trần Gia B đang ở với chị P.

Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn X đều có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Gia B và đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thực tế chị P có công việc và thu nhập ổn định (khoảng 8.000.000 đồng/tháng); cháu Trần Gia B lại bị tắc ruột bẩm sinh (đã bị cắt 90cm ruột non) từ khi sinh ra đến nay đều do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó giao cháu Trần Gia B cho chị Nguyễn Thị P

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Anh Trần Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn X đều không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn X.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 24/7/2014 cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Trần Gia B đủ 18 tuổi; anh Trần Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn X đều không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam theo biên lai số AA/2015/0003461 ngày 05/04/2019 chị P đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thành Nam